

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO NGHỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Trương Thị Thanh Thủy

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội

Email: thuytt@hiee.edu.vn.

Tóm tắt: Lựa chọn được phương pháp đào tạo thích hợp luôn là một yêu cầu có tính quyết định cho việc đạt được mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp. Hiện nay, sự hội nhập toàn cầu, phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, cách mạng công nghiệp 4.0, ... là những thách thức mạnh mẽ, liên tục tác động tới mọi lĩnh vực. Riêng với giáo dục đào tạo (trong đó nghề Quản trị kinh doanh có nhu cầu nhân lực cao), đòi hỏi cần có những nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò thích ứng mới của mình, phải tìm được phương pháp đào tạo phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả, chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Bài viết đã thu thập, tổng hợp thông tin, thống kê số liệu và phân tích thực trạng đào tạo nghề Quản trị kinh doanh với các phương pháp đào tạo, bối cảnh nhiều thách thức dồn dập hiện nay và giới thiệu phương pháp đào tạo kết hợp với nghề Quản trị kinh doanh.

Từ khóa: Đào tạo truyền thống, E-learning, đào tạo kết hợp, nghề Quản trị kinh doanh.

Nhận bài: 6/1/2026; **Biên tập:** 7/1/2026; **Phản biện:** 8/1/2026; **Duyệt đăng:** 14/1/2026.

1. Đặt vấn đề

Kinh tế là đối tượng được loài người quan tâm từ rất sớm vì chúng giữ vai trò hết sức cần thiết và quan trọng trong đời sống xã hội. Con người không thể sống trong một xã hội không làm kinh tế để tồn tại, phát triển. Cho đến nay, ngành này nói chung và nghề Quản trị kinh doanh nói riêng vẫn giữ được vai trò đó và ngày càng được nghiên cứu, đào tạo sâu, rộng để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển bền vững của các quốc gia trên thế giới. Đối với Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đã xác định hai mục tiêu chiến lược 100 năm là, phấn đấu đến năm 2030 - Kỷ niệm 100 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, nước ta trở thành nước công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện đại, có thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045 - Kỷ niệm 100 thành lập Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nước ta là nước xã hội chủ nghĩa phát triển. Với mục tiêu và tầm nhìn chiến lược đó, lĩnh vực kinh tế nói chung và nghề Quản trị kinh doanh nói riêng vẫn là lĩnh vực được ưu tiên phát triển. Do đó, trong đào tạo nghề Quản trị kinh doanh phải đổi mới phương pháp đào tạo để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tốt nhất cho kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát đào tạo ngành kinh tế nói chung và nghề Quản trị kinh doanh hiện nay

2.1.1. Đào tạo đại học kiểu truyền thống

Hiện nay vẫn là phương pháp đào tạo đại học chủ yếu trên thế giới. Số liệu năm 2015 - 2019 ở các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cho thấy khối ngành kinh tế chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng tất cả khối ngành đào tạo

đại học là 23 - 24% [1]. Từ những năm 1990 đến nay, ngành kinh tế đặc biệt được đào tạo nhiều ở Việt Nam do nhu cầu kinh tế xã hội tăng lên. Nhân lực cần thiết cho ngành này luôn nóng, luôn là xu hướng lựa chọn cao của sinh viên (SV). Số liệu giai đoạn 2018 - 2025 cho thấy cả nước cung cấp 2,5 triệu việc làm, kinh tế - tài chính - hành chính - pháp luật, là nhóm ngành chiếm tỷ trọng việc làm cao (33%). Tổng hợp thống kê theo các số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam nhận thấy số lượng hồ sơ nộp vào các ngành kinh tế kinh doanh luôn thuộc nhóm cao nhất qua các mùa tuyển sinh cao đẳng, đại học. Ví dụ: năm 2019, khối ngành này chiếm khoảng 32% tổng số hồ sơ đăng ký dự thi và có tỷ lệ chọi nguyện vọng/chỉ tiêu là 6,5. Trên địa bàn Hà Nội, các trường khối Kinh tế tiêu biểu luôn có số lượng tuyển sinh cao là: Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại thương, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Mở... Ngay cả các trường không chuyên khối kinh tế, số lượng SV ngành kinh tế kinh doanh cũng chiếm tỷ trọng đáng kể như: Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Công đoàn, Trường Đại học Thủy lợi...

Dạy học theo phương pháp truyền thống là những cách thức dạy học quen thuộc được truyền từ lâu đời và được bảo tồn, duy trì qua nhiều thế hệ. Về cơ bản, phương pháp này lấy hoạt động của giáo viên là trung tâm, thường diễn ra trên lớp học trực tiếp giữa giáo viên và SV. Tổ chức học chủ yếu, giáo viên là người thuyết giảng, là kho tri thức sống, SV là người nghe, nhớ, ghi chép và định hướng theo. Giáo án dạy theo phương pháp này có tính hệ thống, tính logic cao. Nhược điểm của

phương pháp này là SV thụ động trong việc tiếp thu kiến thức, phương pháp tự học không được phát huy cao, giờ dạy dễ đơn điệu, buồn tẻ, kiến thức thiên về lý luận, thông tin có giới hạn, kỹ năng thực hành vận dụng vào đời sống thực tế bị hạn chế... Phương pháp (PP) dạy học truyền thống có thể sắp xếp thành 3 nhóm như sau [4].

Nhóm dùng lời	Nhóm trực quan	Nhóm thực hành
PP dạy học gợi mở - vấn đáp; PP thuyết trình; PP giải thích; PP thảo luận trên lớp	PP dạy học trực quan; PP trình diễn	PP dạy học luyện tập và thực hành; PP ôn tập; PP công tác độc lập; PP công tác thí nghiệm

2.1.2. Đào tạo E-learning

Mới chỉ ra đời trong vài thập kỷ gần đây cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) và internet. Tới nay PP đào tạo này đã trải qua thử nghiệm, triển khai rộng rãi trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam. Nó được ưa chuộng, đánh giá cao với rất nhiều ưu điểm vượt trội và đang trở thành xu thế cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0. E-learning (viết tắt của Electronic learning) theo nghĩa rộng là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên CNTT và truyền thông. Theo quan điểm hiện đại, E-learning là sự phân phát các nội dung học sử dụng các công cụ điện tử hiện đại như: máy tính, mạng vệ tinh, mạng Internet, Intranet,... trong đó nội dung học có thể thu được từ các website, đĩa CD, DVD, băng video, audio... thông qua máy tính hay tivi; giảng viên và SV có thể giao tiếp với nhau qua mạng dưới các hình thức như: thư điện tử, thảo luận trực tuyến, diễn đàn, hội thảo, video...

2.1.3. Ưu điểm của PP đào tạo E-learning

E-learning ngày càng được ưa chuộng bởi tính tiện dụng và linh hoạt về mặt thời gian cũng như địa điểm. SV có thể học E-learning mọi lúc, mọi nơi, ở văn phòng, ở nhà hoặc bất kỳ địa điểm nào thuận tiện và có thể học nhiều lần. Đây là điều mà các PP giáo dục truyền thống không có được. Về mặt chi phí, con số công bố năm 2013, cùng 1 khóa học và 1 môn học, SV học theo PP E-learning sẽ tiết kiệm được khoảng 50 - 70% tiền học phí so với việc học tại lớp, SV học theo PP E-learning sẽ tiết kiệm được 40 - 60% thời gian học so với các khóa học truyền thống. Tính hấp dẫn: với sự hỗ trợ của công nghệ multimedia, những bài giảng tích hợp text, âm thanh, hình ảnh, video minh họa làm tăng thêm tính hấp dẫn của bài học. Tính linh hoạt: SV có thể tự điều chỉnh quá trình học, lựa chọn cách học phù hợp nhất với hoàn cảnh của mình. Tính cập nhật: nội dung bài học thường xuyên được cập nhật và đổi mới nhằm đáp ứng tốt nhất và phù hợp nhất với SV. Học có sự hợp tác, phối hợp, SV có thể dễ dàng trao đổi thông tin với nhau, với giảng viên qua các diễn đàn, hội thoại, trực tuyến, thư từ... Tâm lý dễ chịu: mọi rào cản về tâm lý giao tiếp của cả giảng viên và SV dần dần bị xóa bỏ, mọi người tự tin hơn

trong việc trao đổi quan điểm. Các kỹ năng làm việc hợp tác, tự điều chỉnh để thích ứng của SV sẽ được hoàn thiện không ngừng.

2.1.4. Nhược điểm của PP đào tạo E-learning

Sự giao tiếp cần thiết giữa giảng viên và SV bị giới hạn. SV bị hạn chế về rèn kỹ năng giao tiếp xã hội. Đối với những môn học mang tính thực nghiệm, SV ít có cơ hội thao tác thực hành thí nghiệm, kỹ năng nghiên cứu thực nghiệm... Cùng với sự ra đời và phát triển như vũ bão của CNTT, truyền thông cũng như những đổi mới của PP giáo dục đào tạo, nhiều nước phát triển trên thế giới đã triển khai mạnh mẽ E-learning trong hệ thống giáo dục trên cả nước như: Mỹ, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản... Năm 2016, nước Mỹ có sự phát triển mạnh nhất với 28% sinh viên Đại học ở Mỹ đang học ít nhất một khóa học trực tuyến, 61% trong 4.800 trường đại học và cao đẳng Hoa Kỳ có SV đăng ký học chương trình trực tuyến và dự báo 98% SV Mỹ sẽ theo học ít nhất một khóa học trực tuyến trong 10 năm tới. Mặc dù Châu Á (trong đó có Việt Nam) là khu vực chưa phát triển mạnh E-learning như các nước phát triển nhưng được đánh giá là có tiềm năng lớn. 50% trong tổng số hàng trăm triệu SV đại học ở châu Á sẽ theo học các khóa trực tuyến trong vài năm tới, với các trường đại học top đầu tham gia cung cấp các khóa học có chất lượng tương tự hoặc thậm chí tốt hơn các chương trình truyền thống. Ở Việt Nam có các đơn vị đào tạo đại học E-learning như: Tổ hợp công nghệ giáo dục Topica, Trường Đại học Mở, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học FPT, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Đại học Ngoại thương... được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép cấp bằng đại học với PP đào tạo E-learning. Qua khảo sát, đa số SV hài lòng với chương trình đào tạo E-learning và cho rằng chất lượng đào tạo tốt hơn so với chương trình học truyền thống trước đây của họ. Tại Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Thái Nguyên, tính đến tháng 3/2014 có 703 SV học theo phương thức đào tạo E-learning, trong đó số SV ngành kinh tế (Kế toán tổng hợp, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh) chiếm 56%. Tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân, số SV học tập theo phương thức E-learning ngành kinh tế kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính Ngân hàng) là 4.059 SV năm 2016 và 4.178 SV năm 2017. Năm 2018 do dừng để tổ chức lại nên đến năm 2019 số SV là 2.500.

2.2. Bối cảnh nhiều thách thức trong đào tạo đại học khối ngành kinh tế hiện nay

2.2.1. Xu thế toàn cầu hội nhập quốc tế về mọi mặt và tiến bộ khoa học công nghệ

Đòi hỏi khách quan cho áp dụng công nghệ khoa học kỹ thuật vào đào tạo nói chung và đào tạo đại học là một tất yếu khách quan do xu thế hội nhập quốc tế về mọi lĩnh vực và do tiến bộ khoa học công

nghe (KHCN) trong một thế kỷ qua càng ngày càng nhanh mạnh. Chúng ta đang sống ở thời đại kinh tế tri thức, đòi hỏi phải có nguồn lao động có tri thức cao, đào tạo công nghệ chính là một giải pháp hữu hiệu, học tập là thường xuyên và suốt đời. Xem xét các cuộc CMCN và các thời kỳ giáo dục đào tạo trên thế giới cho đến nay có thể thấy thế giới đã trải qua 4 cuộc CMCN. Cuộc CMCN lần thứ tư (theo ngôn ngữ tin học là CMCN 4.0) hình thành từ những năm 2000 (cụm từ “Công nghiệp 4.0” lần đầu xuất hiện năm 2013 trong một báo cáo của chính phủ Đức đề cập đến chiến lược công nghệ cao, điện toán hóa ngành sản xuất mà không cần sự tham gia của con người). Đặc trưng của CMCN 4.0 là cuộc cách mạng số, chuyển hóa toàn bộ thế giới thực thành thế giới số thông qua các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác thực tại ảo (AR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (Big data)... [9]. Khác với phương thức đào tạo đại trà của các thế kỷ trước, CMCN 4.0 chú trọng đến phương thức đào tạo “cá thể”, “sinh viên làm trung tâm”. Thông qua những giao lưu quốc tế, các chương trình liên kết qua mạng lưới truyền thông, Internet, các giáo trình kiến thức đảm bảo gần với quốc tế hơn. Trong cuộc cách mạng này, hệ thống giáo dục sẽ bị tác động mạnh mẽ và toàn diện, danh mục ngành nghề đào tạo sẽ phải điều chỉnh, cập nhật liên tục vì các ranh giới giữa các lĩnh vực rất mỏng manh.

2.2.2. *Khó khăn, hạn chế trong đào tạo E-learning ngành kinh tế ở Việt Nam*

Mặc dù cho đến nay, E-learning có nhiều ưu điểm vượt trội về mọi mặt và là PP đào tạo sử dụng nhiều công nghệ nhất, tiệm cận với xu hướng CMCN 4.0. Tuy nhiên, ở Việt Nam [5] có một số khó khăn và hạn chế là: Hệ thống chính sách, cơ chế, cơ sở pháp lý đối với PP đào tạo công nghệ vẫn đang trong quá trình xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đổi mới quản lý cả ở cấp vĩ mô và cấp cơ sở. Về xây dựng nguồn tài nguyên bài giảng, học liệu, giáo trình số hóa: hầu hết các trường còn thiếu rất nhiều học liệu, giáo trình đã số hóa, trong khi để soạn bài giảng E-learning kinh tế có chất lượng đòi hỏi tốn nhiều công sức của giảng viên. Hiện nay chế độ hỗ trợ chưa phù hợp với công sức bỏ ra, chưa khuyến khích được giảng viên. Đời sống của giảng viên ngành kinh tế gặp nhiều khó khăn, áp lực thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục... hậu quả là giảng viên không thể đầu tư cho E-learning. Mặt khác giảng viên kinh tế có thể có chuyên môn và khả năng sư phạm nhưng kỹ năng sử dụng công nghệ còn hạn chế nên chưa phát huy được. Về phía SV học kinh tế theo PP E-learning đòi hỏi SV phải có tinh thần tự học. Tuy nhiên, ảnh hưởng của cách học thụ động truyền thống, tâm lý học phải có thầy (không thầy đổ mầy làm nên) dẫn đến việc tham gia học E-learning chưa trở thành động lực

học tập, SV chưa chủ động quản lý tốt thời gian tự học, hoặc sao nhãng dành nhiều thời gian cho việc làm thêm hoặc các hoạt động giải trí khác cũng làm ảnh hưởng tới hiệu quả học tập. Những lý giải khác là do sức ỳ của người học khi đã quá quen thuộc với cách học truyền thống với ba đặc trưng cơ bản là thiếu chủ động, thiếu tự giác và thiếu kỹ năng quản lý thời gian có hiệu quả. SV nghèo, nhất là ở vùng sâu vùng xa, chưa có điều kiện trang bị riêng máy tính kết nối Internet hay tâm lý cho rằng lên mạng nhiều vấn đề phức tạp cũng là lý do hạn chế E-learning. Về cơ sở vật chất: đòi hỏi phải có hạ tầng CNTT đủ mạnh, có kết nối Internet băng thông rộng, tốc độ cao, xây dựng website trường đại học và website E-learning hoàn chỉnh chi phí cao, nếu không tận dụng hết khả năng sẽ gây lãng phí. Về nhân lực phục vụ website E-learning: cần có đội ngũ chuyên nghiệp cán bộ chuyên trách phục vụ sự hoạt động của hệ thống E-learning. Tuy nhiên, hiện tại còn hạn chế hoặc chưa có ở các trường ...

2.2.3. *Chủ trương của Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo*

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII tháng 01/2021 nêu rõ: “chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.” [11]. Luật Giáo dục Đại học sửa đổi 2018 đã quy định cho khối giáo dục đại học có quyền tự chủ rất lớn trong việc quyết định phương thức tổ chức và quản lý đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo. Các nhà trường có quyền chủ động trong việc xây dựng, thực hiện, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy trong kỳ học, năm học, khóa học... [12]. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã có văn bản hướng dẫn để thống nhất việc triển khai đào tạo từ xa và công nhận kết quả học tập tích lũy tại các cơ sở đào tạo đối với các khóa đào tạo chính quy và vừa làm vừa học trong thời gian dịch Covid-19. Khi dịch Covid-19 bùng phát, ngay trong tháng 3/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản gửi các trường Đại học, học viện nêu rõ: cơ sở đào tạo có thể sử dụng các phương thức đào tạo từ xa đối với một số học phần phù hợp, áp dụng cho các khóa đào tạo chính quy trong thời gian SV không học tập trung do dịch COVID-19; trong đó, khuyến khích sử dụng phương thức đào tạo trực tuyến qua mạng.

2.3. *Lựa chọn phương pháp đào tạo kết hợp (Blended learning) cho đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội*

So với hai PP đào tạo truyền thống và PP E-learning, B-Learning có một số ưu điểm vượt trội hơn. Một là, PP đào tạo kết hợp cung cấp các tài liệu học trực tuyến ngay trong thời gian lên lớp, hỗ trợ cho bài giảng sinh động, dễ hiểu hơn và thu hút tương tác giữa người dạy - người học nhiều hơn. Điều này đã khắc phục điểm yếu của việc chỉ đơn

thuần học tập theo PP E-Learning, là hình thức tiếp nhận kiến thức một chiều và hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào bản thân người học. Hai là, người học có nhiều thời gian tự học, không cần phụ thuộc vào sự giảng dạy trực tiếp của người dạy nhưng vẫn có sự tương tác trực tiếp giữa người dạy và người học, người học vẫn có cơ hội hỏi đáp thắc mắc, tham gia thảo luận nhóm, còn trường học vẫn nắm bắt được phản hồi của từng cá nhân. Ba là, PP này giúp giảm tải chi phí đáng kể so với lớp học truyền thống: các tài liệu giáo khoa được chuyển tải thành dạng e-book hoặc các dạng tài nguyên trực tuyến; tiết kiệm chi phí nhân sự, di chuyển.

PP học tập kết hợp (Blended learning) được định nghĩa là “một chương trình giáo dục chính thức dựa trên sự kết hợp của thời gian học trên lớp trực tiếp và người học tự học trực tuyến thông qua phần mềm E-Leaming”. Đây được coi là một loại PP kết hợp nhiều hình thức học tập với các hoạt động giảng dạy của giáo viên (sử dụng hình ảnh, video, các bài tập có sử dụng kỹ thuật số và thảo luận trực tiếp). Theo mô hình học này, các khóa học thường diễn ra trong một lớp học thực sự dưới sự điều hành của một giáo viên tận tâm, nhưng lại tạo thêm nhiều cơ hội học tập bổ sung dựa trên nền tảng kỹ thuật số. Các yếu tố học tập kỹ thuật số thường mang tính mở để mỗi cá nhân người học có thể tự điều tiết tốc độ học tập và thường có thể đăng nhập vào bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào. Nói cách khác, học tập kết hợp là áp dụng PP kết hợp tốt nhất nhằm thực hiện một mục tiêu cụ thể thông qua sự kết hợp của hình thức dạy học trực tuyến và lớp học trực tiếp, với sự hỗ trợ hiệu quả của hệ thống hỗ trợ điện tử, sử dụng cả giải pháp chính thức, dựa vào tài liệu học bản cứng và không chính thức.

Các mô hình đào tạo kết hợp: SV sẽ sử dụng máy tính trên lớp thực hiện một số nội dung trực tuyến (xem trước các nội dung bài học, đọc tài liệu trực tuyến, làm các bài tập kỹ năng hoặc các bài ôn tập, tự làm các bài kiểm tra, bài đánh giá cá nhân do máy tính kiểm soát). Thông qua các loại hoạt động online này, SV có nhiều cơ hội học tập nghiên cứu độc lập mà không ảnh hưởng đến các thành viên khác trên lớp. Đối với phần học trên lớp, SV nhận được sự hướng dẫn trực tiếp từ giảng viên bao gồm giải thích nội dung bài, bài tập trên lớp, kèm cặp cá nhân, các hoạt động nhóm,... SV sau khi hoàn thành phần học tại lớp sẽ được yêu cầu di chuyển đến phòng thực hành. Tại đây, SV sẽ được hướng dẫn thực hiện một số hoạt động học tập trực tuyến trên máy tính trong phòng thực hành hay thí nghiệm của trường.

Mô hình 1. Lớp học đảo ngược (Flipped classroom): SV sẽ tự học, tự nghiên cứu nội dung bài học thông qua máy tính ngoài lớp học (có thể học tại nhà hoặc một địa điểm nào khác ngoài lớp học) thay vì thụ động tiếp nhận lượng kiến thức bài

học từ giảng viên trên lớp. Thời gian lên lớp SV chủ yếu được giảng viên ôn tập, giải thích bài hay thảo luận... Các hoạt động và bài tập trên lớp áp dụng cho các nội dung bài SV đã học trực tuyến. SV luân chuyển qua nhiều trạm. Các trạm này chính là các cách thức học tập khác nhau bao gồm cả học trực tuyến và trên lớp (ví dụ như học trên máy tính ở phòng thực hành, giảng viên kèm cặp cá nhân, làm việc nhóm, chuyên đề...).

Mô hình 2. Linh hoạt (Flex): Cho phép SV di chuyển theo lịch trình linh hoạt giữa các hoạt động học tập theo nhu cầu của họ. Học trực tuyến là xương sống của việc học tập của SV trong mô hình Flex. Giáo viên cung cấp hỗ trợ và hướng dẫn một cách linh hoạt, khi cần thiết trong khi SV làm việc thông qua chương trình và nội dung khóa học. Mô hình này có thể cung cấp cho SV khả năng kiểm soát cao đối với việc học của mình.

Học tập kết hợp tạo điều kiện cho người dạy và người học có thể triển khai các hoạt động giảng dạy dựa vào các vấn đề cụ thể. Học tập kết hợp là sự kết hợp hoàn thiện. Một mặt, hoạt động học tập trực tuyến giúp sắp xếp, chuẩn bị các nội dung công việc có thể thực hiện tại buổi học giáp mặt trên lớp; mặt khác, hoạt động học tập giáp mặt trên lớp giúp giải quyết những hạn chế có thể xảy ra trong học tập trực tuyến. PP đào tạo kết hợp ứng dụng với các mô hình khác nhau, được thiết kế và vận dụng một cách linh hoạt dựa trên các yếu tố: Vai trò của người dạy; Môi trường học tập; Cách thức phân phối các tài liệu học tập; Tốc độ giảng dạy và học tập...

Những thách thức khi áp dụng PP này

Thách thức kỹ thuật: Để đảm bảo người sử dụng có thể sử dụng công nghệ hiệu quả, không nên đưa vào tất cả các công nghệ có sẵn cùng một lúc, mà có thể xem xét đưa vào công nghệ đơn giản trước để đảm bảo đạt được kết quả. Đảm bảo rằng, người sử dụng phải được qua đào tạo và nhận được hỗ trợ hay được giải đáp các vấn đề thường gặp phải trong quá trình sử dụng.

Thách thức trong công tác tổ chức: Cần có thông tin định hướng với đầy đủ thông tin mô tả cả quá trình áp dụng - từ việc lắp đặt, sử dụng công nghệ tới các yêu cầu liên quan tới sự tham gia, hoàn thành các hoạt động học tập. Nhà quản lý cần nắm được những trải nghiệm mà SV sẽ trải qua và làm thế nào để nhà quản lý có thể giúp đảm bảo hoạt động học tập diễn ra hiệu quả. Có thể áp dụng PP hợp tác giảng dạy, kết hợp với một chuyên gia về học trực tuyến, có thể giúp đảm bảo duy trì hiệu quả và hứng thú cũng như giải quyết mọi vấn đề trong quá trình thực hiện. Ngoài ra, để có thể quản lý và giám sát tiến bộ của người học, Nhà trường cần phải đánh giá đầy đủ mọi yếu tố để đảm bảo thực hiện thành công PP này.

- Thách thức về PP giảng dạy: Thiết kế hoạt động giảng dạy cần phân tích các yếu tố của một chương

trình; cần xác định nội dung nào cần người dạy và người học gặp mặt trực tiếp, nội dung nào có thể cần phối hợp giữa người học và người dạy qua học trực tuyến. Sau khi thực hiện, cần đánh giá để xem xét thay đổi nếu thấy bất cập. Lựa chọn công nghệ nên là bước cuối cùng trong quá trình thiết kế. Người thiết kế chương trình cần phải hiểu rõ mục tiêu học tập và xác định PP đánh giá phù hợp trước khi quyết định PP truyền đạt các nội dung ứng với từng mục tiêu học tập. Việc thiết kế chương trình hoạt động không chỉ đơn thuần là duy trì các hoạt động tương tác mà phải thực sự “giao tiếp” với người học. Cần thiết kế các bài học ngắn và sinh động. Nếu thiết kế hoạt động tự học, phải thiết kế kèm theo hình thức đánh giá nghiêm ngặt, phải đảm bảo người học hiểu rõ hình thức đánh giá và thông báo rõ là nếu người học không hoàn thành bài tự học thì sẽ không được tham gia buổi học gặp mặt trực tiếp. Để có thể đảm bảo phối hợp các hoạt động hài hòa với nhau, cần phải lập sơ đồ khóa học, qua đó cũng giúp người học tự tổ chức công việc cân đối.

3. Kết luận

Có thể thấy rằng khối ngành kinh tế nói chung và nghề Quản trị kinh doanh nói riêng thuộc khối khoa học xã hội, không có thí nghiệm, thực nghiệm như khối khoa học tự nhiên, nên tận dụng được các ưu điểm của PP đào tạo E-learning. Blended Learning là PP học tập tích hợp tối ưu hóa những ưu điểm, đồng thời, hạn chế đến mức tối đa những nhược điểm của hai PP dạy học truyền thống và PP dạy học E-Learning. Nếu PP học truyền thống chủ yếu lấy người dạy là trọng tâm, từ đó dẫn đến

sự thụ động và nhàm chán cho người học thì PP E-learning lại có nhược điểm đòi hỏi người học phải có khả năng làm việc độc lập với ý thức tự giác cao độ. Do đó sẽ là khả thi khi áp dụng được PP học tập kết hợp. Tầm quan trọng và ý nghĩa thực sự của học tập kết hợp nằm ở chính tiềm năng của nó. Trong bối cảnh nhiều thách thức hiện nay, học tập kết hợp có thể trở thành một trong những PP học tập tốt nhất được lựa chọn trong thế kỷ XXI với các trường Đại học có đào tạo khối ngành kinh tế nói chung và ở Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội nói riêng ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. OECD (2019). *Education at a Glance: OECD Indicators 2019*.
- [2]. Báo Vietnamnet (2020). *Sinh viên kinh tế - Làm sao mở rộng cơ hội việc làm tương lai?*
- [3]. Thư viện Khoa học VLOS. *Các phương pháp dạy học truyền thống*.
- [4]. Báo Dân trí (2016). *50% sinh viên châu Á sẽ học trực tuyến trong 10 năm tới*.
- [5]. TOPICA (2017). *Chúng ta phải làm gì để nâng cao chất lượng học tập?*
- [6]. Đàm Quang Vinh, Trịnh Hoài Sơn (2019). *Tổ chức đào tạo E-learning tại trường Đại học Kinh tế quốc dân: Kinh nghiệm, triển vọng và xu hướng phát triển*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia E-learning kinh nghiệm và cơ hội hợp tác.
- [7]. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2020). *Báo cáo đánh giá tác động của COVID-19 đến nền kinh tế và các khuyến nghị chính sách*.

Innovating the methods of vocational training in Business Administration at Hanoi College of Economics and Industry

Truong Thi Thanh Thuy

Hanoi College of Economics and Industry

Email: thuytt@hiecd.edu.vn.

Abstract: Choosing the appropriate training method is always a crucial requirement for achieving the goals of vocational education. Currently, global integration, the rapid development of science and technology, the Fourth Industrial Revolution, etc., pose strong and continuous challenges impacting all fields. Specifically for education and training (in which the Business Administration profession has a high demand for human resources), it requires a thorough understanding of its new position and role, and the search for appropriate training methods to ensure effectiveness and quality, meeting the increasingly high demands of society. This article has collected and synthesized information, statistical data, and analyzed the current state of Business Administration training, including training methods, the context of numerous challenges today, and introduced a training method that combines with the Business Administration profession.

Keywords: Traditional training, E-learning, combined training, Business Administration profession.